

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-PT
Ngày 28 tháng 12 năm 2021
“*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh và bà Phạm Thị Thúy Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Hoàng Thị Tuyết,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLPT- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”. Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 16/2021/HNGĐ - ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng nghị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn C, xã B1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lương Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã B1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C1; địa chỉ: Phố Đ, phường H, quận M, thành phố Hà Nội, do ông Dương Quyết T1 - Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C1: Ông Triệu Quang C2 - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C1 huyện T.

Người được ủy quyền lại của Ngân hàng C1: Ông Vương Hồng Q - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C1 huyện T (vắng mặt).

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2021 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Bích L trình bày:

Chị L và anh Lương Văn S kết hôn ngày 25/12/2012. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng gia đình anh S. Quá trình chung sống ngay từ ban đầu tình cảm vợ chồng đã không hòa thuận. Nguyên nhân chính là do tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tháng 3/2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị L đã bỏ về nhà bố

mẹ đẻ ở và sống ly thân cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh S.

Về con chung: Có 02 con là Lương Mai L1, sinh ngày 25/9/2013 và Lương Bảo T2, sinh ngày 10/7/2016. Ly hôn chị L xin được nuôi cháu T2, còn anh S nuôi cháu L1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L hiện tại đang ở cùng bố mẹ đẻ chị L và làm ruộng tại địa phương, những lúc nông nhàn chị L đi làm thuê theo thời vụ có thu nhập khoảng 3.000.000đ đến 4.000.000đ/tháng nên chị L có đủ điều kiện nuôi cháu T2.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về công sức và đất canh tác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Năm 2016, vợ chồng chị L có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng C1 huyện T số tiền 50.000.000đ, mục đích vay để trang trải việc nhà và chăn nuôi. Ly hôn chị L đề nghị chia đôi khoản nợ để mỗi người có trách nhiệm trả ½ cho Ngân hàng.

Bị đơn là anh Lương Văn S xác nhận lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị L đi làm công nhân có quan hệ với người đàn ông khác, anh S đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị L không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đầu tháng 3/2021 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh S đồng ý.

Về con chung: Anh S xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị L đã trình bày. Ly hôn anh S xin nuôi cháu Lương Mai L1, còn để chị L nuôi cháu Lương Bảo T2 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại anh S có nhà riêng và làm ruộng tại địa phương, thu nhập khoảng 1.000.000đ đến 2.000.000đ/tháng nên anh S có đủ điều kiện nuôi cháu L1.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức và đất canh tác: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh S xác nhận vợ chồng có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng C1 huyện T số tiền 50.000.000đ như chị L đã trình bày. Ly hôn anh S yêu cầu chị L phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng, anh S không có nghĩa vụ trả nợ vì chị L vay để chi tiêu cá nhân.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện Ngân hàng C1 trình bày: Tháng 11 năm 2016, Phòng giao dịch Ngân hàng C1 huyện T có cho hộ chị Trần Thị Bích L, chồng là Lương Văn S vay số tiền 50.000.000đ. Mục đích vay để chăn nuôi bò sinh sản. Khi vay vốn là tín chấp ủy thác qua hội đoàn thể cấp xã, tổ tiết kiệm và vay vốn trên địa bàn thôn. Hiện tại hộ gia đình chị L, anh S vẫn đang còn dư nợ gốc là 50.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 23/7/2021 là 2.298.083đ. Tổng cộng là 52.298.083đ. Nay anh S, chị L ly hôn thì yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả ½ khoản nợ trên cho Ngân hàng. Ngân hàng C1 từ chối yêu cầu độc lập.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 16/2021/HNGĐ - ST ngày 23 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 51, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử: Cho chị

Trần Thị Bích L được ly hôn anh Lương Văn S. Giao cho chị Trần Thị Bích L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Bảo T2, sinh ngày 10/7/2016. Giao cho anh Lương Văn S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Mai L1, sinh ngày 25/9/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Buộc chị Trần Thị Bích L trả số nợ 25.000.000đ tiền gốc và 1.149.000đ tiền lãi, tổng cộng là 26.149.000đ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C1 huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc anh Lương Văn S trả số nợ 25.000.000đ tiền gốc và 1.149.000đ tiền lãi, tổng cộng là 26.149.000đ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C1 huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị L, anh S còn phải tiếp tục trả lãi cho Phòng giao dịch Ngân hàng C1 huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 07/11/2016. Ngoài ra bản án còn tính án phí, tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 234/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/8/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, giao cho anh S và chị L có trách nhiệm trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng C1 huyện T và áp dụng bổ sung Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Các đương sự trong vụ án không có kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã triệu tập họp lệ nhiều lần đến phiên tòa phúc thẩm nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa xin rút một phần nội dung đã kháng nghị về việc áp dụng điều luật vì Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định sửa chữa bổ sung bản án, còn giữ nguyên quan điểm kháng nghị về việc giải quyết công nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T theo hướng giao cho anh S và chị L phải thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng C1 huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T được ban hành trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về điều luật áp dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đã rút kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về thực hiện nghĩa vụ: Trong thời gian kết hôn, ngày 07/11/2016 chị L, anh S có đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của Ngân hàng C1 trong chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Ngày 09/11/2016, chị L, anh S được Ngân hàng C1 duyệt cho vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 0,75%, lãi suất nợ quá hạn 136%, thời hạn cho vay là 36 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 16/11/2019. Đến hạn trả nợ người vay không trả được tiền nợ và có đề nghị gia hạn nợ lần 1 ngày 06/11/2019 (được Ngân hàng C1 phê duyệt gia hạn ngày 08/11/2019), lần 2 ngày 16/10/2020 (được Ngân hàng C1 phê duyệt gia hạn ngày 03/11/2021). Thời hạn gia hạn nợ từ ngày

16/11/2020 đến hết ngày 16/4/2021. Hiện tại khoản nợ nêu trên đã quá hạn nhưng chị L, anh S chưa trả được nợ và cũng không có đơn đề nghị gia hạn nợ. Ngày 12/3/2021, chị L có đơn xin ly hôn anh S. Nội dung đơn chị L yêu cầu Tòa án giải quyết về tình cảm, con cái và phân chia công nợ của vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Ngân hàng C1 vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại văn bản tự khai đại diện Ngân hàng C1 có quan điểm: “*Yêu cầu buộc anh S và chị L mỗi người có nghĩa vụ trả ½ khoản nợ nhưng từ chối yêu cầu độc lập*”. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi liên quan, không thông báo về việc tạm ứng án phí (hoặc được miễn tạm ứng án phí), thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu độc lập, tiến hành công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, nhưng lại buộc anh S và chị L phải trả nợ cho Ngân hàng C1 khi Ngân hàng đã từ chối yêu cầu độc lập là không đúng quy định tại các Điều 201, 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp; mục 5 phần III Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 giải đáp các vấn đề nghiệp vụ. Trường hợp nêu trên, Tòa án không cần giao hoặc buộc phải thực hiện nghĩa vụ vì người có quyền chưa yêu cầu. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các bên có quyền thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, không thỏa thuận được thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Điều này cũng phù hợp với Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba khi ly hôn.

Như đã phân tích nêu trên, cần chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không tuyên phần nghĩa vụ về tài sản đối với khoản nợ của Ngân hàng C1. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, Ngân hàng C1 có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 16/2021/HNGĐ - ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Bích L được ly hôn anh Lương Văn S.
2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Bích L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lương Bảo T2, sinh ngày 10/7/2016. Giao cho anh Lương Văn S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lương Mai L1, sinh ngày 25/9/2013. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0008273 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị L đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát huyện T;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thế Bình